TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày: 30-8-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thi Hường

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NinhThuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 30-6-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1978, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam Con ông: Nguyễn Văn T- Sinh năm: 1948 và bà Phan Thị C - Sinh năm: 1954; Vợ: Dương Thị T1 - Sinh năm: 1975; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Đàng T - Sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại gồm có các ông (bà):

+ Lưu Thị Xuân C – Sinh năm: 1971 (vợ)

+ Đàng Quốc H – Sinh năm: 1988 (con);

+ Đàng Ngọc T – Sinh năm: 1994 (con);

+ Đàng Ngọc K – Sinh năm: 2002(con);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Các ông (bà): Lưu Thi Xuân C, Đàng Quốc H, Đàng Ngọc T, Đàng Ngọc K cùng ủy quyền cho: Ông Lưu Văn V – Sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn N, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 07-4-2021) tham gia tố tụng - Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Dương Thị T1 – Sinh năm: 1975; địa chỉ: N – P – N – Ninh Thuận - Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Đức T2 – Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Khu phố x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* *Người làm chứng*: Ông Đặng Văn V – Sinh năm: 1985; địa chỉ: N – P – N – Ninh Thuận - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/4/2021, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759 chở lúa cho ông Nguyễn C và bà Ngô Thị M từ thôn H, xã P về nhà máy xay lúa D ở thôn N, xã P. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn M, P, T phát hiện cách xe T khoảng hơn 10m có xe mô tô biển số 85D1-422.70 do ông Đàng T *(Sinh năm: 1967, trú tại: thôn T, xã P, huyện N)* lưu thông trên phần đường của mình hướng ngược chiều. Lúc này, xe của T đang chạy giữa đường, lấn qua phần đường dành cho xe ngược chiều, T chủ quan cho rằng sẽ không có va chạm xảy ra nên tiếp tục điều khiển xe chạy thẳng với tốc độ khoảng 40km/h, có rà phanh. Khi khoảng cách giữa hai xe khoảng 04m, T điều khiển tay lái sang phải theo chiều đi để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên thùng xe bên trái xe của T va chạm vào xe mô tô biển số 85D1-422.70 do ông Đàng T điều khiển làm xe và người ngã xuống đường. T tiếp tục điều khiển xe chạy đến vị trí cách vị trí va chạm khoảng 20m rồi dừng lại, T xuống xe thấy hai bao lúa bị rách, lúa bị đổ trên đường, một bao lúa còn nguyên bị rơi xuống đường nên T bốc bỏ lên xe mô tô ba bánh. Do sợ bị phát hiện mình gây ra vụ tai nạn nên T bỏ xe mô tô ba bánh lại, nhanh chóng rời khỏi hiện trường và gọi điện thoại nhờ anh Đặng Văn V điều khiển xe của T chở lúa về nhà máy xay xát D sau đó điều khiển xe về nhà T. Sau khi vụ tai nạn xảy ra,

có anh Đàng Ngọc H đi làm về phát hiện ông T bị tai nạn đang nằm trên đường nên liên hệ với người nhà ông T đến đưa đi cấp cứu nhưng ông T đã bị tử vong trên đường đi cấp cứu.

Sau khi khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã T hành truy tìm người và phương tiện liên quan đến vụ tai nạn. Kết quả truy tìm đã phát hiện xe mô tô ba bánh mang biển số 61L6-6759 của Nguyễn Văn T có dấu vết gãy kim loại có đặc điểm phù hợp với ống kim loại phát hiện tại hiện trường nên đã tạm giữ phương tiện nêu trên để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 02/4/2021 và Bản ảnh hiện trường đã xác định điểm va chạm và dấu vết, cụ thể như sau:

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông tại đoạn đường thuộc thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; đoạn đường thẳng, mặt đường trải bê tông bằng phẳng, có chiều rộng xe chạy là 5,6m, không có vạch sơn phân chia làn đường riêng biệt. Đoạn đường xảy ra tai nạn có ánh đèn đường, không có hệ thống báo hiệu đường bộ. Trên mặt đường vương vãi nhiều hạt lúa từ vị trí trụ điện ký hiệu 478NP/147/08 đến điểm đầu xuất hiện vết cày tại hiện trường trên diện (4,3x3,5)m.

Hiện trường được khám nghiệm theo hướng UBND xã P đi xã P1, lấy trụ điện ký hiệu 478NP/147/08 nằm bên phải đường theo hướng khám nghiệm và cách mép đường 0,8m làm mốc cố định và lấy mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm chuẩn các số đo. Các dấu vết tại hiện trường được đánh số từ 1 đến 6 và mô tả cụ thể như sau:

- Vị trí số 1: Là vùng mảnh vỡ nhựa và ống kim loại màu xanh nằm trên mặt đường với tiết diện (3,9x2,7)m, tại đây có vương vãi nhiều hạt lúa. Tâm vùng mảnh vỡ cách mốc 20m về hướng Bắc và cách mép đường phải 1,35m.

- Vị trí số 2: Là vết cày không liên tục kích thước (7,8x0,02)m nằm trên mặt đường có chiều hướng từ Tây Nam đến Đông Bắc. Điểm đầu vết cày cách tâm vị trí số 1 là 6m, cách mép đường phải 2,1m; điểm cuối vết cày cách mép đường phải 1,5m.

- Vị trí số 3: Là vùng dấu vết màu nâu đỏ dạng quệt và nhỏ giọt nằm trên mặt đường với tiết diện (0,4x0,3)m. Tâm vùng dấu vết cách điểm đầu vết cày tại vị trí số 2 là 2,4m về hướng Đông và cách mép đường phải là 0,6m.

- Vị trí số 4: Là vết cày không liên tục có kích thước (1,1x0,03)m nằm trên mặt đường có chiều hướng từ Tây Nam đến Đông Bắc. Điểm đầu vết cày cách tâm vùng dấu vết tại vị trí số 3 là 4,7m về hướng Đông Bắc, cách mép đường phải 1,5m về hướng Tây Bắc; điểm cuối vết cày cách mép đường phải 1,35m.

- Vị trí số 5: Là vết cày không liên tục kích thước (0,3x0,01)m nằm trên mặt đường (dưới xe mô tô biển số 85D1 - 422.70) có chiều hướng từ Tây Nam đến Đông Bắc. Điểm đầu vết cày cách điểm cuối vết cày tại vị trí số 4 là 3m về hướng Đông

Bắc, cách mép đường phải 1,05m, cách gác để chân phía trước bên trái xe mô tô 85D1 - 422.70 là 0,02m về hướng Tây Bắc; điểm cuối vết cày nằm dưới bánh sau của xe mô tô 85D1 - 422.70, cách mép đường phải 1m.

- Vị trí số 6: Là xe mô tô biển số 85D1 - 422.70 nằm ngã hông bên trái xuống mặt đường, đầu xe quay hướng UBND xã P, đuôi xe quay hướng đi xã P1. Tâm bánh trước xe cách điểm đầu vết cày tại vị trí số 5 là 0,87m về hướng Tây Nam, cách mép đường phải 0,85m; tâm bánh sau xe cách điểm cuối vết cày tại vị trí số 5 là 0,5m, cách mép đường phải 1,04m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 56/TT ngày 09/4/2021 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận:

1. Khám ngoài:

- Mô tả tư thế của tử thi: Tử thi nam giới, dài 1m64. Thể trạng trung bình, tình trạng tử thi mềm.

- Tình trạng đầu mặt:

+ Đầu: Tóc khô, da đầu bên ngoài không thấy tổn thương.

+ Mặt: Góc trán trái có vết trầy da bầm tụ máu không liên tục kích thước (8x1)cm, trán phải xuống đầu trong cung lông mày mắt phải có vết rách da bờ nham nhở sâu sát xương sọ trán kích thước (5x3)cm. Gò má phải có vết trầy da tụ máu kích thước (7x2)cm. Hai mắt nhắm, niêm mạc hai mắt trắng nhợt, đồng tử hai mắt giãn đều 04mm. Sống mũi xuống tháp mũi có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (5x1,5)cm, hai lỗ mũi khô. Hai tai khô. Miệng mở, niêm mạc môi trên có vết rách da bầm tụ máu kích thước (1,5x0,5)cm, dưới cằm có vết bầm tụ máu kích thước (7x2,5)cm.

- Cổ: Không thấy tổn thương.

- Ngực: Bên trái sát núm vú có vết rách da bầm tụ máu không liên tục kích thước (17x6)cm, gãy kín cung trước các xương sườn III đến VIII trái, tràn khí dưới da toàn bộ vùng ngực trái, đường nách trước tương ứng khoang liên sườn II, III phải có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (3x2)cm.

- Bụng: Hạ sườn trái đến mũi ức có vết trầy da bầm tụ máu kích thước (18x1,5)cm.

- Lưng: Không thấy tổn thương.

- Cơ quan sinh dục: Không thấy tổn thương.

- Hậu môn: Khô.

- Tay phải: Mặt trước ngoài 1/3 trên cánh tay có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (3x4,5)cm, mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay đến 1/3 giữa cẳng tay có vết trầy da tụ máu kích thước (17x7)cm, mặt sau cổ tay xuống ngón I, II có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (17x4)cm.

- Tay trái: Mặt ngoài 1/3 trên cánh tay có vết trầy da tụ máu kích thước (2x1)cm, mặt sau cổ tay xuống mu bàn tay có vết trầy da, rách da kích thước (6x5)cm, gãy kín toàn bộ xương bàn ngón III đến V.

- Chân phải: Mu bàn chân tương ứng ngón IV có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (2x1)cm.

- Chân trái: Bờ trước và dưới gối có vết trầy da tụ máu không liên tục kích thước (9x2)cm, mu bàn chân từ ngón I đến ngón V có vết trầy da, lóc da không liên tục kích thước (11x4)cm.

2. Khám trong: Gia đình không đồng ý.

* Phần kết luận: Do gia đình không đồng ý giải phẫu tử thi để khám trong, với các dấu vết bên ngoài, Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Ninh Thuận không đủ cơ sở kết luận nguyên nhân chết.

* Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị can Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị can Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động khắc phục một phần hậu quả. (BL: 35-46; 76; 78)

* Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tạm giữ và xử lý như sau:

+ Một xe mô tô biển số 85D1 - 422.70 nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số máy: JA38E0266383, số khung: 3822GY128177 là tài sản của ông Đàng T nên Cơ quan điều tra T hành giao trả xe mô tô trên cho anh Lưu Văn Vụ, sinh năm: 1982, trú tại: Thôn N, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Là người được gia đình ông T ủy quyền trong vụ án) là có cơ sở.

+ Một điện thoại hiệu Itel, màu đen, số IMEI 1: 355149111010480, số IMEI 2: 355149111010498, bên trong có lắp 01 sim số 0327415765 là tài sản của Nguyễn Văn T không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T, là có cơ sở.

+ Một xe mô tô ba bánh gắn biển số 61L6- 6759, số máy: 162MK21K008668; 01 ống kim loại thu giữ tại hiện trường, thanh kim loại màu xanh hình dạng vuông rỗng kích thước (4x1,9)cm và thanh kim loại màu xanh hình chữ U, kích thước (18x35,2)cm. Đây là phương tiện không rõ nguồn gốc khi tham gia giao thông nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

+ Đối với mẫu dấu vết màu nâu đỏ bám bụi thu tại mặt ngoài khung bên trái xe mô tô ba bánh gắn biển số 61L6 - 6759 và mẫu máu của ông Đàng T còn lại sau giám định, không còn giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự:

+ Đại diện gia đình ông Đàng T yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 144.000.000 đồng, gồm: Chi phí mai táng 20.000.000 đồng; tổn thất về tinh thần

90.000.000 đồng; cấp dưỡng cho con ông Đàng T 30.000.000 đồng; chi phí sửa chữa xe mô tô 85D1-422.70 bị hư hỏng 4.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đồng ý bồi thường, chị Dương Thị T1 (vợ của T) đã bồi thường thay cho T được số tiền 24.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa bồi thường là 120.000.000 đồng.

* Đối với ông Đàng T, khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu là 245,67mg/100ml đã vi phạm Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ. Tuy nhiên đây không phải là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn, mặt khác ông T đã chết sau khi xảy ra tai nạn nên không xét đến.

* Đối với Nguyễn Văn S và Đặng Văn V: Khi điều khiển xe mô tô ba bánh gắn biển số 61L6 - 6759 của Nguyễn Văn T rời khỏi hiện trường của vụ tai nạn, Sang và V không biết phương tiện này có liên quan đến vụ tai nạn giao thông nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Cáo trạng số 35/CT-VKSTB, ngày 28-6-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên nội dung truy tố tại cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng: điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng thù.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với vật chứng là xe mô tô ba bánh gắn biếnố 61L6 – 6759, số máy: 162MK21K008668; 01 ống kim loại thu giữ tại hiện trường, thanh kim loại màu xanh có hình dạng vuông rỗng, kích thước (4x19)cm và thanh kim loại màu xanh hình chữ U, kích thước (18x 35,2)cm. Đây là phương tiện không rõ nguồn gốc khi tham gia giao thông. Tại phiên Tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao vật chứng cho Công an huyện N để xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

+ Đối với mẫu dấu vết màu nâu đỏ bám bụi, thu tại mặt ngoài khung bên trái xem mô tô ba bánh gắn biển số 61L6-6759 và mẫu máu của ông Đàng T còn lại sau giám định, không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và gia đìn bị hại đã thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa đã xác định được bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 94.000.000 đồng, gia đình bị hại chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về bồi thường thiệt hại trong bản án.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lưu Văn V có ý kiến tranh luận đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục lao động sản xuất bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T1 tranh luận yêu cầu được nhận lại xe là tài sản chung của vợ chồng bà.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành về hành vi, quyết định của có quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2. Xét ông T2 vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, mặt khác ông T2 đã có lời khai trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

[3.1]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để xác định được: Bị cáo Nguyễn Văn T là người không có giấy phép lái xe mô tô ba bánh theo quy định của Luật Giao thông đường bộ. Vào khoảng: 19 giờ 30 phút ngày 02-4-2021, bị cáo điều khiển xe mô tô ba bánh gắn biển số: 61L6 - 6759 chở lúa tham gia giao thông trên đoạn đường liên xã thuộc thôn Mông Đức, xã P. Bị cáo điều khiển xe chạy giữa đường, lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều, đã va chạm với xe mô tô hai bánh biển số 85D1 – 422.70 do ông Đàng T điều

khiển đi theo chiều ngược lại, làm xe của ông T ngã xuống đường. Sau khi gây tai nạn, do sợ bị phát hiện nên bị cáo có đã bỏ trốn khỏi hiện trường và nhờ anh Đặng Văn V điều khhiển xe về nhà máy xay xát D để bỏ lúa và điều khiển xe về nhà cho bị cáo T. Ông Đàng T sau khi được phát hiện đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

[3.2]. Xét bị cáo điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759 chạy giữa đường, lấn sang phần đường dành cho xe ngược chiều đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ quy định về quy tắc chung khi tham gia giao thông, va chạm với xe mô tô hai bánh biển số 85D1-422.70 do ông Đàng T điều khiển đi đúng phần đường theo chiều ngược lại, hậu quả làm ông Đàng T tử vong. Về mặt khách quan, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tội danh được quy định tại Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Bị cáo không có giấy phép lái xe mô tô ba bánh theo quy định của pháp luật, sau khi gây tai nạn đã bỏ trốn để trốn tránh trách nhiệm đây là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 9, 17 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ đồng thời là các tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo với tình tiết định khung quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4]. Đánh giá mức độ lỗi của bị cáo cũng như bị hại khi tham gia giao thông:

Đối với bị cáo: Điều khiển phương tiện là xe mô tô ba bánh tham gia giao thông, không có giấy phép lái xe theo quy định, sử dụng phương tiện giao thông không rõ nguồn gốc, không có kiểm định chất lượng; chạy xe giữa đường, lấn sang phần đường ngược chiều và do ý thức chủ quan cho rằng không xảy ra va chạm, là những nguyên nhân chính dẫn tới va chạm với xe ngược chiều.

Đối với bị hại: Kết quả điều tra xác định được bị hại điều khiển phương tiện tham gia giao thông có giấy phép lái xe theo quy định, đi đúng phần đường. Tuy kết quả giám định xác định trong máu bị hại có nồng độ cồn 245,67/100ml máu, đây là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nhưng không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới tai nạn giao thông.

Từ sự phân tích trên có đủ căn cứ để xác định bị cáo có lỗi hoàn toàn.

[5]. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi biết người bị hại tử vong, bị cáo đã cùng gia đình khắc phục hậu quả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường số tiền 94.000.000 đồng cho người bị hại; tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại đã bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Xem xét mức hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hinh sự là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, điều khiển xe mô tô ba bánh không có giấy phép lái xe theo quy định. Bị cáo cho rằng do sợ bị người dân đánh nên đã bỏ trốn khỏi hiện trường. Tuy nhiên, sau khi dời khỏi hiện trường, bị cáo không trình báo với cơ quan, người có thẩm quyền để đưa nạn nhân đi cấp cứu kịp thời mà trái lại còn nhờ người điều khiển xe rời khỏi hiện trường để trốn tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý nhằm trốn tránh trách nhiệm sau khi gây tai nạn, thể hiện sự thờ ơ, vô cảm đối với tính mạng, sức khỏe của người khác nên cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc.

Xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; gia đình bị hại đã bãi nại và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định mức hình phạt được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định mức hình phạt cho phù hợp.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có nghề nghiệp làm nông, thu nhập thấp. Sau khi gây tai nạn đã vay mượn tiền khắc phục phần lớn hậu quả cho người bị hại nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại là 124.000.000 đồng, trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường được 94.000.000 đồng cho gia đình bị hại, còn lại 30.000.000 đồng chưa bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho gia đình bị hại theo yêu cầu của gia đình bị hại, do đó Tòa án ghi nhận.

[9]. Xử lý vật chứng:

[9.1]. Đối với vật chứng là xe mô tô ba gác biển số 61L6-6759, số máy 162MK21K008668 và các bộ phần cấu thành xe bị rơi ra khi va chạm gồm: 01 ống kim loại thu giữ tại hiện trường, thanh kim loại màu xanh có hình dạng vuông rỗng, kích thước (4x19)cm và thanh kim loại màu xanh hình chữ U, kích thước (18x 35,2)cm. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T1 tranh luận có yêu cầu được nhận lại xe là tài sản của vợ chồng bà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận xe vợ chồng bị cáo mua của ông Nguyễn Đức T2 vào năm 2019. Lời khai của ông Nguyễn Đức T2 khai nhận trong quá trình điều tra xác định xe có nguồn gốc do ông T2 mua lại của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ sau đó sơn mới và bán lại cho bị cáo T. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông nhưng chưa có đủ căn cứ để xác định rõ nguồn gốc xe.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì đối với vật chứng bị cấm lưu hành thì bị tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc tiêu hủy. Đối với xe mô tô ba bánh vẫn được phép tham gia giao thông nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ nên không áp dụng hình thức tịch thu sung qũy nhà nước hoặc tiêu hủy. Xét xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759 chưa rõ nguồn gốc nên Hội đồng xét xử quyết định giao vật chứng lại cho cơ quan Công an huyện N tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ nguồn gốc xe và xử lý theo thẩm quyền như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[9.2]. Đối với vật chứng là mẫu dấu vết màu nâu đỏ bám bụi thu tại mặt ngoài khung bên trái xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759 và mẫu máu của ông Đàng T cònlại sau giam định theo Kết luận giám định số 243 ngày 11-5-2021 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Đối với yêu cầu bồi thường về dân sự, bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường trong giai đoạn điều tra và Tòa án ghi nhận trong bản án nên căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQGH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

[11]. Đối với Nguyễn Văn Sang và Đặng Văn V: Quá trìn điều tra và tại phiên tòa đã xác định được: Sau khi gây tai nạn, bị cáo T có điện thoại cho Nguyễn Văn Sang và Đặng Văn V nhờ điều khiển xe về nhưng bị cáo không nói cho Sang và V biết là xe đã gây tai nạn. Mặt khác xe đã được bị cáo điều khiển chạy cách xa hiện trường vụ tai nạn khoảng 20m. Do đó, có đủ căn cứ xác định khi điều khiển xe mô tô ba bánh gắn biển số 61L6 - 6759 của Nguyễn Văn T rời khỏi hiện trường của vụ tai nạn, Sang và V không biết phương tiện này có liên quan đến vụ tai nạn giao thông nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

1. Áp dụng: điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a,c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Giao vật chứng là xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759, số máy: 162MK21K008668 và các vật dụng cấu thành của xe bị rơi khi va chạm gồm: 01 đoạn thanh kim loại màu màu xa, hình dạng vuông rỗng kích thước (4x1,9)cm được thu trên khung thanh kim loại trên cùng phía bên trái thùng xe mô tô ba bánh gắn biển số 61L6-6759, được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS3A030141; 01 ống kim loại hình tròn được sơn màu xanh kích thước (30,5x8)cm, có một đầu được gắn vào thanh kim loại hình chữ U vặn ốc hàn kín, thanh kim loại chữ U được hàn vào một miếng kim loại không rõ hình dạng đã bị gãy, đầu ống còn lại rỗng, có vế móp kim loại và phần thân ống có dấu vết trầy xước sơn và móp kim loại trên diện (2,5x 3,5)cm; 01 thanh kim loại màu xanh hình chữ u, kích thước (18x35,2)cm cho Cơ quan Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe và xử lý theo thẩm quyền.

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu dấu vết màu nâu đỏ bám bụi thu tại mặt ngoài khung bên trái xe mô tô ba bánh biển số 61L6-6759 và mẫu máu của ông Đàng T còn lại sau giam định theo Kết luận giám định số 243 ngày 11-5-2021 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ các vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 01-7-20201 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn T và đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn Vụ theo đó: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho các ông (bà): Lưu Thi Xuân C, Đàng Quốc H, Đàng Ngọc T, Đàng Ngọc K số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thi T1 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30-9-2021); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Thi hành án Hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Nình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Công an huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Thi hành án phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Nình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Công an huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Thi hành án phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Nình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng